

Các Khoa Thi Thời Trần

Thời Trần, khoa thi Nho học đầu tiên có tên là khoa thi Thái học sinh, được tổ chức vào năm 1232 dưới đời vua Trần Thái Tông. Khoa thi này, chia người trúng tuyển thành tam giáp: Đệ nhất giáp, Đệ nhị giáp, Đệ tam giáp. Đến năm 1247, lại đặt ra danh hiệu tam khôi để chỉ ba người xuất sắc nhất trong số thí sinh thi đỗ, theo thứ bậc cao, thấp là: Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa.

Thời Trần quy định, 7 năm mở khoa thi một lần, nhưng chỉ thực hiện được vài khoa thi đầu. Để khuyến khích việc học tập của các sĩ tử ở các vùng xa kinh đô, nên khoa thi Thái học sinh năm 1256, triều đình quy định lấy hai Trạng nguyên: một Kinh Trạng nguyên ở miền Bắc, một Trại Trạng nguyên ở vùng Thanh Hoá, Nghệ An.

Trong thời gian chống quân xâm lược Nguyên - Mông, các khoa thi bị gián đoạn. Đến năm 1266, nhà Trần tiếp tục mở lại khoa thi Thái học sinh. Khoa thi Thái học sinh lớn nhất thời Trần là khoa thi năm Giáp Thìn (1304) dưới đời vua Trần Anh Tông, khoa thi này đã thu hút hàng nghìn thí sinh cả nước tham dự. Tổng số người đỗ ở cả ba giáp là 44 người. Đặc biệt, ba vị tam khôi trong khoa thi này (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) được vua đặc ân cho ra cửa Long Môn dạo chơi, ngắm cảnh ba ngày. Cũng ở khoa thi này, vua còn đặt thêm danh hiệu Hoàng giáp để chỉ những người đỗ hàng đệ nhị giáp. Danh hiệu Hoàng giáp có từ đó.

Đến đời vua Trần Thuận Tông, năm 1369, lần đầu tiên trong lịch sử khoa cử có định lệ về việc thi cử nhân và phân cấp thi: thi Hương và thi Hội. Cứ năm trước thi Hương thì năm sau thi Hội.

Như vậy, việc học hành, thi cử thời Trần có những tiến bộ vượt bậc. Kết quả của nó đã tạo ra đội ngũ trí thức Nho học hùng hậu. Theo những tài liệu còn lưu giữ được đến nay, những nhà khoa bảng tiêu biểu thời Trần là:

1. Trương Hanh:

Người xã Mạnh Tân, huyện Trường Tân (nay thuộc xã Gia Lương, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng). Ông đỗ thứ nhất Đệ nhất giáp, khoa thi Thái học sinh năm Nhâm Thìn (1232) đời vua Trần Thái Tông, làm quan đến chức Thượng thư.

(từ năm 1232 khoa thi Thái học sinh chia người đỗ theo 3 giáp).

2. Lưu Diễm:

Người xã Vĩnh Trị, huyện Hoằng Hoá (nay là thôn Vĩnh Trị, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá). Ông đỗ thứ hai Đệ nhất giáp, khoa thi Thái học sinh năm Nhâm Thìn (1232) đời vua Trần Thái Tông, làm quan đến chức Đông các đại học sĩ.

3. Đặng Diễn:

Người làng An Đẽ, huyện Thư Trì (nay thuộc xã Hiệp Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình). Ông đỗ thứ nhất Đệ nhị giáp, khoa thi Thái học sinh năm Nhâm Thìn (1232) đời vua Trần Thái Tông.

4. Trịnh Phẫu:

Người xã Hạ Thanh Oai, huyện Thanh Oai (nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây). Ông đỗ thứ hai Đệ nhị giáp, khoa thi Thái học sinh năm Nhâm Thìn (1232) đời vua Trần Thái Tông.

5. Trần Chu Phổ:

Người làng Đan Nhiễm, huyện Tế Giang (nay là thôn Đan Nhiễm, xã Văn Phúc, huyện Châu Giang tỉnh Hải Hưng). Ông đỗ Đệ tam giáp, khoa thi Thái học sinh năm Nhâm Thìn (1232) đời vua Trần Thái Tông,

làm quan đến chức Tư đồ, tước Phụ quốc công. từng làm quan ở Quốc sử viện đời vua Trần Thái Tông, có soạn sách "Việt chí" tức "Đại việt sử lược".

6. Lưu Miễn:

Người xã Vĩnh Trị, huyện Hoàng Hoá (nay là thôn Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá), anh trai của Lưu Diễm. Ông đỗ thứ nhất Đệ nhất giáp, khoa thi Thái học sinh năm Kỷ Hợi (1239) đời vua Trần Thái Tông, làm quan đến chức Tả tư mã, tước Minh tự.

7. Vương Giáp:

Hiện chưa rõ quê quán. Ông đỗ thứ hai Đệ nhất giáp, khoa thi Thái học sinh năm Kỷ Hợi (1239) đời vua Trần Thái Tông.

8. Ngô Khắc:

Hiện chưa rõ quê quán. Ông đỗ Đệ nhị giáp, khoa thi Thái học sinh năm Kỷ Hợi (1239) đời vua Trần Thái Tông.

9. Vương Thế Lộc:

Ông đỗ Đệ nhị giáp, khoa thi Thái học sinh năm Kỷ Hợi (1239) đời vua Trần Thái Tông. Hiện chưa rõ quê quán.

10. Nguyễn Hiền:

Người xã Dương A, huyện Thượng Hiền (nay là thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định). Ông đỗ Trạng nguyên khoa thi Thái học sinh năm Đinh Mùi (1247) đời vua Trần Thái Tông. Khi ấy ông mới 13 tuổi.

11. Lê Văn Hưu:

Người làng Phú Lư huyện Đông Sơn (nay là thôn Phú Lư Trung, xã Thiệu Trung, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá). Ông đỗ Bảng nhãn khoa thi Thái học sinh năm Đinh Mùi (1247) đời vua Trần Thái Tông khi mới 18 tuổi. Năm 1272 đời vua Trần Thánh Tông, ông giữ chức Hàn Lâm viện học sĩ Kim Quốc Sử viện giám tu, làm quan đến chức Bình Bộ Thượng Thư, tước Nhân Uyên hầu, mất năm 1322, thọ 99 tuổi. Tác phẩm của ông có bộ "Đại Việt sử ký " (gồm 3 quyển).

12. Đặng Ma La:

Người xã Tốt Động, huyện Chương Đức (nay là thôn Tốt Động, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây). Ông đỗ Thám Hoa khoa thi Thái học sinh năm Đinh Mùi (1247) đời vua Trần Thái Tông khi ấy mới 14 tuổi, làm quan tới chức Thảm hình viện.

13. Trần Quốc Lặc:

Người xã Giang Hạ, huyện Thanh Lâm (nay là thôn Ưông Hạ, xã Minh Tân, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng). Ông đỗ Kinh Trạng nguyên, khoa thi Thái học sinh năm Bính Thìn (1256) đời vua Trần Thái Tông. Được vua gả công chúa và sau khi ông mất được phong làm phúc thần.

14. Trương Xán:

Người xã Hoành Bồ, huyện Hoành Sơn (nay thuộc huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình). Năm 29 tuổi ông đỗ Trại Trạng nguyên khoa thi Thái học sinh năm Bính Thìn (1256) đời vua Trần Thái Tông, làm quan đến chức Thị Lang, hàm Tự Khanh.

15. Trần Chu Hinh:

Người làng Đan Nhiễm huyện Tế Giang (nay là thôn Đan Nhiễm, xã Văn Phúc, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên). Anh của Trần Chu Phổ . Ông đỗ Bảng nhãn khoa thi Thái học sinh năm Bính Thìn (1256) đời vua Trần Thái Tông, làm quan đến chức Hàn Lâm viện thị độc.

16. Trần Uyên:

Người làng Liêu Xá huyện Đường Hào (nay là thôn Liêu Xá, xã Liêu Xá, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên). Ông đỗ Thám Hoa khoa thi Thái học sinh năm Bính Thìn (1256) đời vua Trần Thái Tông, làm quan đến chức Đại học sĩ.

17. Trần Cỗ:

Người xã Phạm Triền, huyện Thanh Miện (nay là thôn Phạm Lư, xã Ngô Quyền, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Dương). Ông trú quán tại xã Phú Chấn, huyện Đông Ngàn (nay là thôn Phú Chấn, xã Phú Chấn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Khoa thi Thái học sinh năm Bính Dần (1266) đời vua Trần Thánh Tông, ông đỗ Kinh Trạng nguyên, làm quan đến chức Thiên Chương các đại học sĩ.

18. Bạch Liêu:

Người làng Nguyễn Xá, huyện Đông Thành (nay là xã Diên Ninh, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An). Ông trú quán tại làng Nghĩa Tư, huyện Thanh Lâm (nay thuộc xã An Lâm, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Dương). Khoa thi Thái học sinh năm Bính Dần (1266) đời vua Trần Thánh Tông, ông đỗ Trại Trạng nguyên, nhưng không ra làm quan.

19. Trần Đạo Tái:

Người xã Tức Mặc phủ Thiên Trường (nay thuộc xã Lộc Vượng, tỉnh Nam Định). Con của Thượng Tướng Trần Quang Khải, cháu nội của vua Trần Thái Tông. Ông đỗ Bảng nhãn năm 14 tuổi vào đời vua Trần Thánh Tông (1257-1278), được phong tước Văn Túc Vương.

20. Hạ Nghi:

Người xã Hạ Lạc, huyện Thanh Lâm (nay thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Dương). Ông đỗ Thám hoa, khoa thi Thái học sinh năm Bính Dần (1266) đời vua Trần Thánh Tông, làm quan đến chức Thị Lang.

21. Đào Tiêu:

Người xã Phủ Lư, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Ông đỗ Trạng nguyên, khoa thi Thái học sinh năm Ất Hợi (1275) đời vua Trần Thánh Tông. Sau khi ông mất được phong làm phúc thần.

22. Quách Nhẫn:

Người xã Song Khê, huyện Yên Dũng (nay là thôn Song Khê, xã Song Khê, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang). Ông đỗ Thám hoa, khoa thi Thái học sinh năm Ất Hợi (1275) đời vua Trần Thánh Tông, làm quan đến chức Hành Khiển.

23. Mạc Đĩnh Chi:

Người xã Lũng Động, huyện Chí Linh (nay là thôn Lũng Động, xã Nam Tân, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Dương). Cháu xa của Mạc Hiến Tích, viên tổ của Mạc Đăng Dung.

Ông đỗ Trạng nguyên, khoa thi Thái học sinh năm Giáp Thìn (1304) đời vua Trần Anh Tông. Sau khi đỗ, ông được bổ vào chức Thái học sinh hoả dũng thư gia, sau thăng chức Đại liêu ban, tả Bộc Xá. Và từng đi sứ sang nhà Nguyên, được vua Nguyên khen ngợi, phong làm "Lưỡng quốc Trạng nguyên".

24. Bùi Mộ:

Người xã Hưng Giáo, huyện Thanh Oai (nay là thôn Hưng Giáo, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây). Ông đỗ Bảng nhãn, khoa thi Thái học sinh năm Giáp Thìn (1304) đời vua Trần Anh Tông. Sau khi đỗ, ông được bổ chức Chi hậu bạ thư mạo sam, sung chức Nội bệnh sử thư gia.

25. Trương Phóng:

Người tỉnh Thanh Hoá. Ông đỗ Thám hoa, khoa thi Thái học sinh năm Giáp Thìn (1304) đời vua Trần Anh Tông.

26. Nguyễn Trung Ngạn:

Người xã Thổ Hoàng huyện Thiên Thi (nay là xã Thổ Hoàng, huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên). Năm 16

tuổi, ông đỗ Hoàng giáp, khoa thi Thái học sinh năm Giáp Thìn (1304) đời vua Trần Anh Tông. Ông từng đi sứ sang nhà Nguyên (1314), làm quan đến chức Nhập nội đại hành khiển, kiêm Tri khu mật viện sự, Nhập thị kinh diên, tước Trụ quốc khai huyện bá, sau thăng lên Thân quốc công.

27. Chu Văn An:

Người xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội). Tương truyền ông đỗ Trạng nguyên vào đời vua Trần Minh Tông (1314-1329) và được giữ chức Tư Nghiệp Quốc Tử Giám, dạy học cho Thái Tử. Sang đời vua Trần Dụ Tông, chính sự rối nát, quyền thần lộng hành, ông dâng lên vua "Thất trăm sớ" xin chém bầy tên gian thần nhưng không được vua trả lời. Ông treo mũ từ quan về ở ẩn tại núi Phụng Hoàng, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Khi ông mất (năm 1370) vua Trần Nghệ Tông ban tên thụy là Văn Trinh, sai quan đến tế và cho tòng tự ở Văn Miếu. Chu Văn An tự Linh Triệt hiệu Tiều ản. Tác phẩm của ông có "Tứ thư thuyết ước", "Thất trăm sớ", "Tiều ản quốc ngữ thi"...

28. Phạm Sư Mạnh:

Người làng Giáp Sơn, huyện Giáp Sơn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Phạm Mệnh, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Dương). Ông là học trò của Chu Văn An, đỗ Thái học sinh đời vua Trần Minh Tông (1314-1329) làm quan đến chức Nhập nội hành khiển chi khu mật viện sự, thăng Nhập nội nạp ngôn. Phạm Sư Mạnh tự Nghĩa Phu, hiệu Ưu Trai. Tác phẩm có "Hiệp Thạch tập".

29. Dư Nhuận Chi:

Người phủ Kiến Hưng (nay thuộc tỉnh Thái Bình). Ông đỗ tiến sĩ đời vua Trần Dụ Tông, làm quan đến chức Bộc Xá.

30. Đào Sư Tích:

Người xã Cổ Lễ, huyện Tây Châu (nay là thị trấn Cổ Lễ, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà). Ông đỗ Trạng nguyên khoa thi Thái học sinh năm Giáp Dần (1374) đời vua Trần Duệ Tông. Làm quan đến chức Nhập nội Hành Khiển. Dưới thời Hồ Quý Ly, ông bị giáng chức Trung thư thị lang, Đồng tri Thảm hình viện sự. Sau khi ông mất được phong phúc thân.

31. Lê Hiến Phủ:

Người làng Chí An, huyện Đông Triều (nay thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) ông đỗ Bảng nhãn khoa thi năm Giáp Dần (1374) đời vua Trần Duệ Tông, làm quan đến chức Thị Lang.

32. Trần Đình Thâm:

Người làng Phúc Đa, huyện Đông Triều (nay thuộc thôn Phúc Đa, xã Tân Việt, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Ông đỗ Thám hoa khoa thi năm Giáp Dần (1374) đời vua Trần Duệ Tông, từng được cử đi sứ sang nhà Minh. Ông làm quan đến chức Ngự sử trung tán, quyền Giám trụ quốc sử. Khi Hồ Quý Ly lấy ngôi của nhà Trần, ông giả điên không nhận làm quan.

33. La Tu:

Người xã Bắc Hà, huyện Thuận Hựu (nay là thôn Bái Hà Xuân, xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá). Ông đỗ Hoàng giáp khoa thi năm Giáp Dần (1374) đời vua Trần Duệ Tông, làm quan đến chức Tri phủ Thanh Hoá.

34. Đoàn Xuân Lôi:

Người xã Ba Lỗ, huyện Tân Phúc (nay là làng Trâu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Hà Bắc). Ông đỗ khoa thi Thái học sinh năm Giáp Thìn (1384) đời vua Trần Phế Đế, làm quan đến chức Trung thư hoàng môn thị lang Thông phán ái Châu.

35. Hoàng Hối Khanh:

Người xã Bái Trại huyện Yên Định (nay là xã Bái Trại xã Định Tăng, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hoá). Ông đỗ khoa thi Thái học sinh năm Giáp Thìn (1384) đời vua Trần Phế Đế, làm quan đến chức An phủ sứ. Sang thời Hồ ông làm đến chức Hành Khiển kiêm Thái thú phủ Thăng Hoa.

36. Hoàng Quán Chi:

Người xã Hạ Yên Quyết, huyện Từ Liêm (nay là thôn Hạ Yên, xã Yên Hoà, huyện Từ Liêm, Hà Nội). Ông đỗ khoa thi Thái học sinh năm Quir Dậu (1393) đời vua Trần Thuận Tông, làm quan đến chức Thượng Thư Thâm hình viện.

37. Lê Vị Tấu:

Người huyện Sơn Ninh (nay thuộc huyện ứng Hoà, tỉnh Hà Tây). Ông đỗ khoa thi Thái học sinh năm Quir Dậu (1393) đời vua Trần Thuận Tông, làm quan đến chức Hàn Lâm.

38. Mai Tú Phu:

Người huyện Thượng Phúc (nay thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây). Ông đỗ khoa thi Thái học sinh năm Quir Dậu (1393) đời vua Trần Thuận Tông, làm quan đến chức Thị Lang.

39. Nguyễn Hy Chu:

Hiện chưa rõ quê quán. Ông đỗ khoa thi Thái học sinh cuối triều Trần, làm quan cho nhà Hồ đến chức Bắc Giang An Phủ sứ.